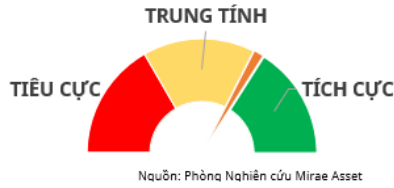


06 Tháng 01, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,051.44	-0.4	0.3	-31.2
HNX	210.65	-1.2	-1.0	-56.6
UPCOM	72.75	-0.1	2.4	-36.4
MSCI EM	984.00	1.0	1.1	-19.1
NIKKEI	25,973.85	0.6	-6.9	-8.8
HANG SENG	21,015.09	-0.2	8.1	-8.9
KOSPI	2,289.97	1.1	-4.3	-21.6
FTSE	7,633.45	0.6	1.5	2.5
S&P 500	3,808.10	-1.2	-3.4	-18.9
NASDAQ	10,305.24	-1.5	-6.4	-31.7

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	11.0	1.7	15.4
Indonesia	13.1	1.9	12.5
Philippines	15.5	1.6	11.0
Malaysia	15.5	1.4	9.1
Thái Lan	14.5	1.7	10.4

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	4.7	-1	-13	376
TPCP 10 năm	4.7	-2	-19	264

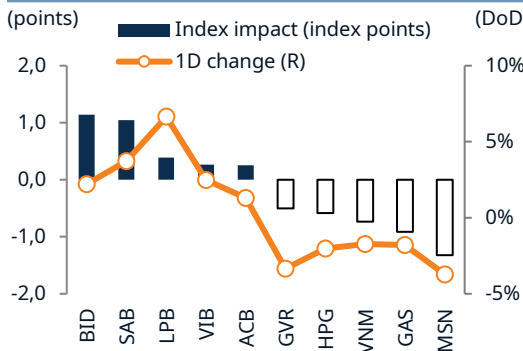
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,470	-0.2	-2.3	3.2
US\$/KRW	1,268.8	-0.1	-3.9	5.3
US\$/JPY	134.4	0.7	-1.9	16.0
US\$/EUR	0.95	0.1	-0.4	7.5
US\$/GBP	0.84	0.1	2.0	13.8
US\$/SGD	1.35	0.2	-0.8	-0.9

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	344	428	476
HNX	33	44	51
UPCOM	14	15	23

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Khởi đầu thuận lợi, VN-Index tăng 4,4% trong tuần đầu tiên của năm 2023

VN-Index có tuần khởi đầu năm 2023 khá thuận lợi khi chỉ số ghi nhận mức tăng 44,35 điểm (+4,40%) để chốt tuần tại 1.051,44. Tuần tăng điểm này cũng kết thúc chuỗi 4 tuần giảm điểm liên tiếp trước đó, đồng thời thanh khoản trong tuần cũng có sự cải thiện trở lại với mức trung bình gần 9.000 tỷ đồng/ phiên, tương ứng trên 500 triệu đơn vị khớp lệnh trên HSX mỗi phiên. Đáng chú ý khi phiên cuối tuần (06/01) thanh khoản khớp lệnh trên HSX đã vượt mốc 10.000 tỷ đồng, cao nhất từ phiên 21/12/2022.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trở lại với vai trò dẫn dắt đà tăng của VN-Index, VCB và BID đứng đầu với mức đóng góp lần lượt 4,8 điểm và 3,9 điểm. Nhóm cổ phiếu họ Vingroup cũng có trong top 10 với tổng mức đóng góp +6 điểm cho chỉ số. Bên chiều ảnh hưởng tiêu cực các cổ phiếu có vốn hóa thấp hơn trong VN30 như PNJ, NVL, VJC ảnh hưởng lớn nhất đến chỉ số với tổng mức tác động -6,4 điểm đến VN-Index.

Khối ngoại mua ròng cả 4 phiên giao dịch trong tuần với tổng giá trị mua ròng đạt hơn 1.000 tỷ đồng. HPG là cổ phiếu được nhóm này mua ròng mạnh nhất trong tuần với giá trị gần 280 tỷ đồng, tiếp theo là VRE với giá trị mua ròng 170 tỷ đồng. Chiều bán ròng, DPM bị khối ngoại bán ra hơn 130 tỷ đồng và trở thành cổ phiếu bị bán mạnh nhất trong tuần.

Kết thúc tuần giao dịch đầu năm, ngoài việc tăng điểm chúng tôi nhận thấy dòng tiền cũng đang trở lại thị trường, trong đó đáng chú ý là dòng vốn của NĐT nước ngoài vẫn tiếp tục chảy vào thị trường. Nhịp tăng cũng giúp VN-Index vượt trên 1.050 giúp tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn và trung hạn bắt đầu cải thiện lên xu hướng tăng. Chỉ số cần tiếp tục duy trì ngưỡng 1.050 trong tuần sau để củng cố xu hướng tích cực hiện tại. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **+3 (TRUNG TÍNH)**. Mức P/E của VN-Index đang ở mức 11,00 lần.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

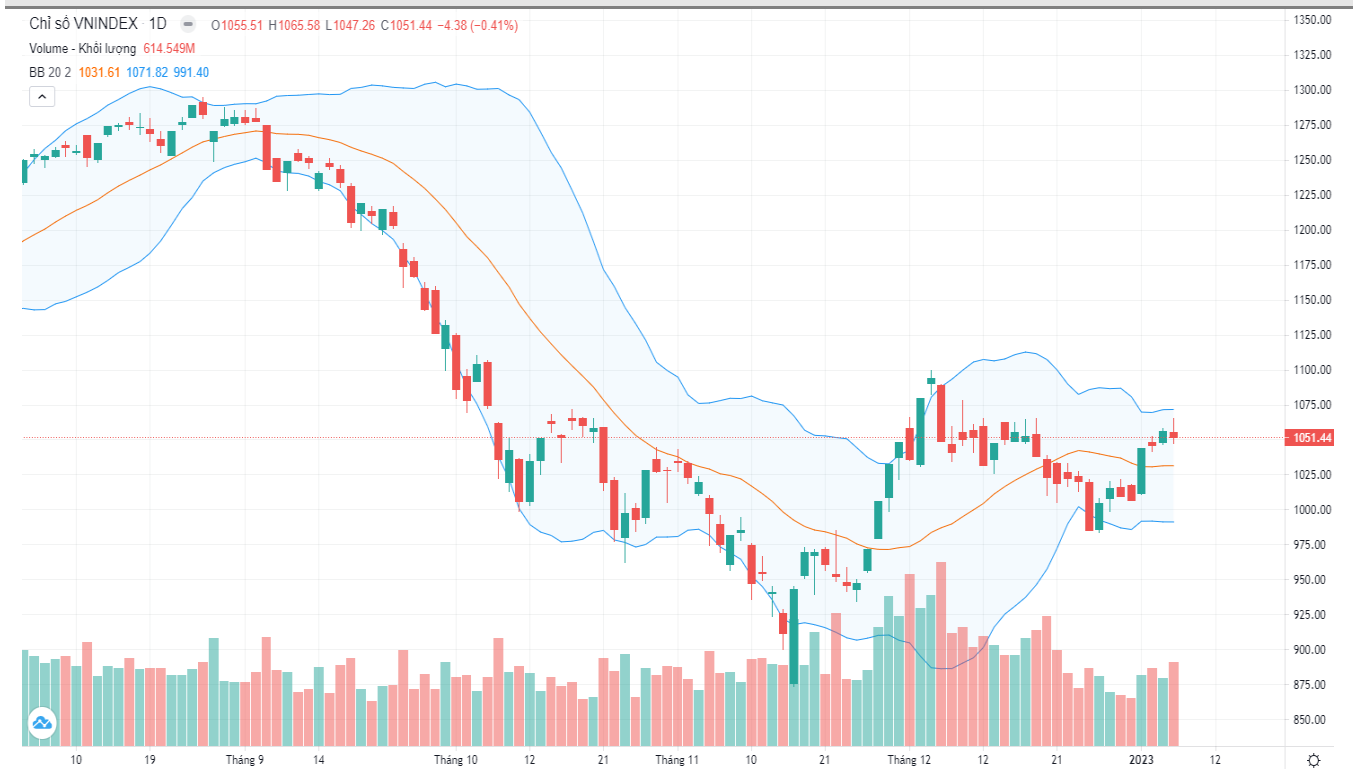
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/01/2023)	Kháng cự 1	1.100
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.120
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.050
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.025

VN-Index tăng vượt 1.050 kèm thanh khoản cải thiện đã giúp xu hướng ngắn hạn và trung hạn vươn lên trạng thái tăng.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (05/01/2023)	1.053,8	Kháng cự 1	1.060
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.100
VN30 – đóng cửa	1.061,9	Hỗ trợ 1	1.000
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-8.1	Hỗ trợ 2	980

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN

VN30F1M vượt ngưỡng 1.050 điểm. Kháng cự tiếp theo là vùng 1.060 – 1.100 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
POW	Điện	11,750	7,498,670	86	5	
PC1	Điện	23,600	2,473,210	99	5	
LPB	Ngân hàng	14,450	12,725,180	84	5	
LCG	Xây dựng	8,400	5,892,335	97	4	
PLC	Nhựa đường	25,000	328,300	98	5	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VRE	29.25	2,895,345	7	KHẢ QUAN	66,465	32.2	2.0	85
VNM	79.8	2,123,790	6	KHẢ QUAN	166,778	21.1	5.4	169
LPB	14.45	12,725,180	5	KHẢ QUAN	24,986	4.9	1.1	184
PDR	15.15	11,741,865	5	KHẢ QUAN	9,907	4.6	1.2	178
VHM	49.9	2,340,570	5	KHẢ QUAN	217,283	6.9	1.6	117
POW	11.75	7,498,670	5	KHẢ QUAN	27,517	23.6	0.9	88
PC1	23.6	2,473,210	5	KHẢ QUAN	6,382	15.7	1.3	58
MBS	13.7	2,401,400	5	KHẢ QUAN	5,341	7.9	1.3	33
FCN	10.6	3,058,335	5	KHẢ QUAN	1,614	125.8	0.6	32
PVC	14.1	1,585,380	5	KHẢ QUAN	680	243.1	1.0	22
HAG	9.35	17,349,424	4	KHẢ QUAN	8,671	8.2	1.8	162
VCB	84	1,356,305	4	KHẢ QUAN	397,531	15.0	3.1	114
MSN	95.8	839,635	4	KHẢ QUAN	136,393	14.2	5.3	80
LCG	8.4	5,892,335	4	KHẢ QUAN	1,593	8.6	0.6	49
L14	53.5	646,890	4	KHẢ QUAN	1,651	12.7	4.5	35
FTS	20	1,611,630	4	KHẢ QUAN	3,901	9.4	1.2	32
GAS	104.7	270,780	4	KHẢ QUAN	200,391	15.0	3.5	28
STB	24.3	20,692,890	3	TRUNG TÍNH	45,811	11.0	1.2	503
VPB	18.95	25,529,156	3	TRUNG TÍNH	127,215	6.3	1.3	484
CEO	21	10,213,015	3	TRUNG TÍNH	5,173	16.6	1.7	214
NKG	13.85	11,494,200	3	TRUNG TÍNH	3,488	4.7	0.6	159
BSR	14.6	7,667,065	3	TRUNG TÍNH	45,267	6.9	1.2	112
CII	13.9	4,221,385	3	TRUNG TÍNH	3,392	9.2	0.6	59
HDG	33	1,641,040	3	TRUNG TÍNH	7,999	5.6	1.5	54
ANV	26.5	1,305,395	3	TRUNG TÍNH	3,521	5.7	1.2	35
REE	74.5	403,550	3	TRUNG TÍNH	26,406	9.6	1.8	30

PAN	16.05	1,867,650	3	TRUNG TÍNH	3,353	8.2	0.8	30
ASM	8.48	3,332,850	3	TRUNG TÍNH	2,854	4.0	0.5	28
TNG	14.7	1,693,975	3	TRUNG TÍNH	1,514	4.9	1.0	25
VCI	25.6	6,428,150	2	TRUNG TÍNH	11,149	8.5	1.7	165
VCG	18.3	8,911,175	2	TRUNG TÍNH	8,892	6.6	1.3	163
PVS	22.9	5,087,500	2	TRUNG TÍNH	10,945	21.9	0.9	117
IDC	34.5	3,087,315	2	TRUNG TÍNH	11,385	5.6	2.2	107
CTG	28.5	3,505,570	2	TRUNG TÍNH	137,444	8.8	1.3	100
HAH	34.2	2,030,335	2	TRUNG TÍNH	2,406	3.2	1.1	69
BID	40.75	1,674,995	2	TRUNG TÍNH	210,688	13.0	2.2	68
HPX	4.7	13,595,560	2	TRUNG TÍNH	1,430	6.6	0.4	64
IDI	12.75	5,002,175	2	TRUNG TÍNH	2,902	4.8	0.9	64
DBC	15.8	3,821,535	2	TRUNG TÍNH	3,824	11.2	0.8	60
ACB	22.85	2,461,765	2	TRUNG TÍNH	78,188	5.9	1.4	56
KDH	27.8	1,827,415	2	TRUNG TÍNH	19,928	15.6	1.7	51
SZC	28.6	1,428,795	2	TRUNG TÍNH	2,790	15.0	1.9	41
HVN	14.35	2,443,345	2	TRUNG TÍNH	31,334	#N/A N/A	#N/A N/A	35
SAB	174.2	197,085	2	TRUNG TÍNH	115,880	21.4	4.8	34
HHV	10.25	3,306,375	2	TRUNG TÍNH	3,155	10.0	0.4	34
GIL	20	1,264,925	2	TRUNG TÍNH	1,380	2.3	0.6	25
IDJ	8.6	2,607,255	2	TRUNG TÍNH	1,440	6.7	0.8	22
CTF	31.85	691,085	2	TRUNG TÍNH	2,406	21.2	2.8	22
SHB	10.55	18,987,790	1	TRUNG TÍNH	32,356	4.0	0.8	200
MBB	18.2	9,720,250	1	TRUNG TÍNH	82,745	4.7	1.1	177
TPB	22.55	7,014,330	1	TRUNG TÍNH	35,589	5.9	1.2	158
VIB	20.1	3,595,305	1	TRUNG TÍNH	43,418	5.2	1.4	72
HPG	19.4	28,050,560	0	TRUNG TÍNH	112,807	7.3	1.2	544
VND	14.6	29,559,364	0	TRUNG TÍNH	17,415	7.8	1.2	432
SSI	19.3	19,191,136	0	TRUNG TÍNH	28,145	8.4	1.3	370
HSG	12.65	15,082,565	0	TRUNG TÍNH	7,565	28.8	0.7	191
VIC	56.2	2,534,300	0	TRUNG TÍNH	213,962	193.5	1.9	142
DGC	58.6	2,325,925	0	TRUNG TÍNH	22,255	4.0	2.1	136
KBC	24.95	5,123,565	0	TRUNG TÍNH	19,152	8.5	1.2	128
FPT	80.3	907,365	0	TRUNG TÍNH	88,091	16.7	4.4	73
KDC	64.5	971,790	0	TRUNG TÍNH	16,591	33.8	2.4	63
VPG	14.2	3,085,480	0	TRUNG TÍNH	1,111	4.5	0.7	44
KSB	20.3	2,064,825	0	TRUNG TÍNH	1,549	8.2	0.8	42
VHC	69.5	576,630	0	TRUNG TÍNH	12,745	5.7	1.7	40
VGC	37	975,150	0	TRUNG TÍNH	16,589	8.4	2.2	36
IJC	12.85	2,473,110	0	TRUNG TÍNH	2,790	5.4	0.7	32
GVR	14.4	2,082,605	0	TRUNG TÍNH	57,600	13.6	1.1	30
BCG	6.7	4,139,205	0	TRUNG TÍNH	3,574	4.9	0.5	28
PLX	35.1	742,995	0	TRUNG TÍNH	44,598	47.6	1.9	26
HDC	30.8	788,795	0	TRUNG TÍNH	3,437	10.3	2.1	24
GEG	15.35	1,577,575	0	TRUNG TÍNH	4,942	13.2	1.4	24
CTS	13.7	1,683,590	0	TRUNG TÍNH	2,037	7.4	0.8	23
HCM	22.3	5,844,040	-1	TRUNG TÍNH	10,150	10.6	1.3	130
GEX	13.55	16,510,585	-2	TRUNG TÍNH	11,155	22.4	0.9	224

DIG	15.1	14,423,645	-2	TRUNG TÍNH	9,209	9.0	1.3	218
SHS	9	21,220,484	-2	TRUNG TÍNH	7,237	9.8	0.8	191
TCB	27.65	5,719,770	-2	TRUNG TÍNH	97,428	4.6	0.9	158
DXG	13.3	11,822,850	-2	TRUNG TÍNH	8,052	9.5	0.8	157
PVD	18.4	5,605,730	-2	TRUNG TÍNH	10,228	#N/A N/A	0.7	103
VIX	7.09	14,429,610	-2	TRUNG TÍNH	4,092	5.3	0.5	102
HDB	16.4	2,861,640	-2	TRUNG TÍNH	41,376	5.5	1.2	47
FRT	69.9	665,310	-2	TRUNG TÍNH	8,175	13.0	4.3	47
NLG	30.15	1,498,825	-2	TRUNG TÍNH	11,580	29.7	1.3	45
HUT	15.1	2,307,445	-2	TRUNG TÍNH	5,055	14.3	1.3	35
HBC	9.23	3,746,210	-2	TRUNG TÍNH	2,371	24.2	0.6	35
TCM	53	587,980	-2	TRUNG TÍNH	4,343	20.9	2.3	31
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
DGW	38.4	793,560	-2	TRUNG TÍNH	6,262	7.2	2.8	30
BVH	48.05	594,735	-2	TRUNG TÍNH	35,669	20.4	1.6	29
NVL	13.7	25,499,570	-3	TRUNG TÍNH	26,521	9.3	0.7	349
EIB	27.6	3,288,040	-4	TIÊU CỰC	34,547	12.6	1.7	91
DPM	42.4	1,577,350	-4	TIÊU CỰC	16,593	2.7	1.3	67
DCM	26.5	2,180,785	-4	TIÊU CỰC	14,029	3.4	1.4	58
PVT	20.3	2,467,155	-4	TIÊU CỰC	6,570	8.0	1.1	50
TCH	6.96	4,768,075	-4	TIÊU CỰC	4,651	23.9	0.5	33
VJC	107.8	336,705	-5	TIÊU CỰC	58,386	944.2	3.3	36
VPI	53.4	539,380	-5	TIÊU CỰC	12,923	21.1	3.9	29
MWG	43.15	2,137,425	-6	TIÊU CỰC	63,145	12.3	2.7	92
SCR	5.6	4,347,040	-6	TIÊU CỰC	2,216	15.3	0.4	24
SBT	13.7	3,890,810	-7	TIÊU CỰC	9,223	11.4	1.0	53

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Lợi nhuận Samsung có thể sụt 50% trong quý 4 khi giá chip và nhu cầu giảm mạnh

Các chuyên viên phân tích kỳ vọng Samsung ghi nhận lợi nhuận hoạt động 7.18 tỷ Won (5.64 tỷ USD) trong quý 4/2022, theo kết quả khảo sát từ Refinitiv. Con số này thấp hơn gần 50% so với quý 4/2021.

Tuy nhiên, một số chuyên viên phân tích tỏ ra bi quan hơn mức dự báo này. Các chuyên viên phân tích tại Macquarie Research dự báo Samsung ghi nhận lợi nhuận hoạt động 5.5 ngàn tỷ Won, mức thấp nhất kể từ quý 3/2016. Các chuyên viên phân tích tại Daiwa Capital Markets dự báo lợi nhuận hoạt động ở mức 4.9 ngàn tỷ Won, tức giảm 65% so với cùng kỳ và là mức thấp nhất kể từ quý 4/2015.

Sự bi quan này bắt nguồn từ việc giá chip nhớ giảm quá nhanh. Samsung đang là “tay chơi” lớn nhất thế giới trong lĩnh vực chip NAND và DRAM. Đây là hai loại chip dùng trong các thiết bị như laptop và điện thoại thông minh cho tới trung tâm dữ liệu.

Giá NAND và DRAM giảm mạnh trong quý 4/2022 vì thiếu nhu cầu sử dụng cuối như dùng cho máy tính cá nhân (PC). Điều này khiến các nhà sản xuất thiết bị điện tử và các công ty tiêu dùng cuối không muốn đặt thêm hàng, qua đó kéo giảm nhu cầu chip của Samsung.

Samsung không hề miễn nhiễm trước “cơn bão” chip nhớ trên thị trường, các chuyên viên phân tích tại Macquarie cho biết trong báo cáo ngày 03/01/2023.

“Mức độ và tốc độ giảm của giá chip nhớ khá giống với giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008”, Macquarie cho biết. “Kết hợp độc hại giữa sự suy giảm nhu cầu tiêu dùng cuối và lượng hàng tồn kho quá nhiều đã dẫn tới mức tồn kho cao chưa từng thấy trong 1 thập kỷ qua”.

Các chuyên viên phân tích kỳ vọng hoạt động kinh doanh chip NAND của Samsung sẽ thua lỗ trong quý 4/2022, trong khi DRAM “có thể lãi nhẹ” trong nửa đầu năm 2023.

Hoạt động kinh doanh bán dẫn của Samsung (bao gồm cả NAND và DRAM) chiếm gần 50% lợi nhuận hoạt động của Công ty. Do đó, bất kỳ tác động nào tới mảng chip nhớ sẽ có tác động rất lớn tới lợi nhuận tổng thể của gã khổng lồ này.

Nguồn: Vietstock.vn

Bộ Xây dựng: Năm 2023 sẽ khắc phục lệch pha cung-cầu bất động sản

Trong năm 2023, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài vào thị trường bất động sản; đặc biệt là khắc phục lệch pha cung-cầu sản phẩm bất động sản; chú trọng khuyến khích phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu lớn của người dân như nhà ở xã hội.

Thông tin trên vừa được đại diện Bộ Xây dựng đưa ra tại Hội nghị “Tổng kết công tác năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023 của ngành xây dựng,” được tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến điểm cầu các Sở Xây dựng trong ngày 23/12.

Báo cáo tại hội nghị, Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng Đậu Minh Thanh nhấn mạnh 2022 là năm phục hồi, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2026. Vì thế, ngay từ đầu năm, toàn ngành đã tập trung, nỗ lực cố gắng thực hiện các chương trình, kế hoạch và đã đạt được một số kết quả tích cực.

Bộ Xây dựng đã thực hiện trách nhiệm giải trình chất vấn trước Quốc hội về các vấn đề trọng tâm, được xã hội quan tâm như: nhà ở, thị trường bất động sản, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, quản lý hoạt động xây dựng.

Cùng với đó, Bộ Xây dựng cũng đã ban hành văn bản đề nghị các địa phương rà soát nhu cầu, chương trình - kế hoạch phát triển nhà ở, nhất là nhà ở xã hội; đề xuất, trình Chính phủ Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030.”

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổ công tác liên ngành cũng đã làm việc trực tiếp với 12 địa phương để thúc đẩy triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ; yêu cầu 22 địa phương trọng điểm báo cáo tình hình triển khai thực

hiện và nhu cầu vay vốn, các tồn tại, hạn chế và kiến nghị để Tổ công tác nắm bắt, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Báo cáo sơ bộ của các địa phương cho thấy trong năm 2022 đã có 19 dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân khu công nghiệp được khởi công, với tổng số khoảng 33.194 căn (tổng diện tích xây dựng khoảng 1.802.932 m²).

Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cũng cho biết trong năm 2023, Tổ công tác liên ngành sẽ tiếp tục làm việc với một số địa phương để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, thúc đẩy triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ.

Đặc biệt, Bộ Xây dựng sẽ phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội xác định nhu cầu và triển khai cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở; theo dõi tình hình thực hiện việc cải tạo, xây dựng nhà chung cư cũ tại các địa phương.

Ngoài ra, Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài vào thị trường bất động sản, khắc phục lệch pha cung-cầu sản phẩm bất động sản, chú trọng khuyến khích phát triển sản phẩm bất động sản đáp ứng nhu cầu lớn của xã hội như: nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá phù hợp; đảm bảo thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh./.

Nguồn: Vietnambiz.vn

HSBC: Lạm phát lõi tăng, giá nguyên liệu thô cũng tăng, chu kỳ tăng lãi suất sẽ còn tiếp tục

Trong báo cáo vừa công bố, HSBC cho biết trong khi lạm phát chính của năm đã tương đối thấp ở mức 3,2%, Việt Nam tiếp tục chứng kiến áp lực lạm phát mạnh lên.

Tháng 12 là tháng thứ ba liên tiếp lạm phát vượt mức trần 4% của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam.

"Không chỉ lạm phát cơ bản tăng lên 5% so với cùng kỳ năm trước mà Việt Nam còn chứng kiến giá nguyên liệu thô tăng lên. Điều này có nghĩa là NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục chu kỳ thắt chặt", HSBC cho biết.

Là ngân hàng trung ương cuối cùng ở ASEAN có động thái điều chỉnh, NHNN đã chủ động bắt kịp xu hướng chung, tăng lãi suất 200 điểm cơ sở trong năm 2022.

Trong khi HSBC kỳ vọng NHNN thắt chặt tiền tệ chậm lại khi Fed được dự báo sẽ giảm tốc và biến động ngoại tệ được xoa dịu, chu kỳ tăng lãi suất sẽ còn tiếp tục.

Khối phân tích dự báo NHNN sẽ nâng lãi suất tái cấp vốn 50 điểm cơ sở trong quý I/2023 và quý II/2023, nâng lãi suất tái cấp vốn lên 7% vào giữa năm 2023.

Theo dự báo của HSBC, Việt Nam nhiều khả năng dễ dàng lại lọt vào nhóm các nước tăng trưởng vượt trội của châu Á lần nữa, có thể chỉ sau Malaysia. Mặc dù vậy, Việt Nam không nên ngủ quên trên chiến thắng vì ẩn dưới con số tăng trưởng đẹp đẽ này là những rủi ro tiềm ẩn đối với tăng trưởng của năm 2023.

Mặc dù vậy, HSBC cho rằng những dấu hiệu ban đầu đang cho thấy những yếu tố thuận lợi trong nước đang giảm dần. Tổng mức bán lẻ đã đạt đỉnh và đà tăng trưởng của tháng 12/2022 cho thấy sự giảm nhẹ. Một phần nguyên nhân dẫn tới sự suy yếu này là do tốc độ phục hồi chậm của ngành du lịch.

Mới đây, Trung Quốc thông báo mở cửa trở lại kể từ ngày 8/1, HSBC cho rằng đây có thể là cú hích cần thiết cho du lịch Việt Nam.

Nguồn: Vietnambiz.vn

Chính phủ đặt mục tiêu kiểm soát tốc độ tăng CPI bình quân cả năm 2023 ở mức khoảng 4.5%

Văn phòng Chính phủ vừa ban hành Thông báo số 04/TB-VPCP ngày 5/1/2023 kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái – Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá về kết quả công tác quản lý, điều hành giá năm 2022 và định hướng công tác quản lý, điều hành giá năm 2023.

Năm 2023 dự báo tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức cho công tác quản lý, điều hành giá, tình hình kinh tế, địa-chính trị thế giới còn diễn biến phức tạp, lạm phát ở một số nước mặc dù có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng dự báo vẫn tiếp tục là một vấn đề trọng tâm cần phải giải quyết, giá các mặt hàng nguyên vật liệu, các mặt hàng chiến lược trên thị trường thế giới tiềm ẩn nhiều nguy cơ tăng giá, rủi ro về tỷ giá tạo sức ép lên chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu trong nước, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa dự báo tăng sau khi Trung Quốc nới lỏng các biện pháp chống dịch.

Bên cạnh đó, tình hình trong nước chịu tác động từ việc thực hiện lộ trình giá thị trường một số mặt hàng Nhà nước quản lý đã bị lùi thực hiện trong thời gian qua, một số chính sách về hỗ trợ về thuế sẽ hết hiệu lực từ đầu năm 2023, một số dự án lớn, những công trình trọng điểm quốc gia triển khai ngay từ đầu năm, áp lực tăng giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm sau khi điều chỉnh tăng lương cơ bản, đặc biệt, áp lực lạm phát bình quân sẽ tăng ngay từ quý I năm 2023 do lạm phát được tích lũy theo xu hướng tăng trong năm 2022.

Trong bối cảnh đó, công tác quản lý, điều hành giá năm 2023 cần tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, thực hiện một cách chủ động, linh hoạt, bảo đảm kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân cả năm ở mức khoảng 4.5% theo mục tiêu Quốc hội đề ra, đồng thời tiếp tục hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân, tiếp tục thực hiện lộ trình giá thị trường các dịch vụ công và hàng hóa do Nhà nước quản lý khi điều kiện cho phép và đẩy mạnh công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật về giá, trình Quốc hội thông qua Luật giá sửa đổi.

Nguồn: Vietnambiz.vn

Hodeco ước lãi kỷ lục hơn 500 tỷ đồng

Báo Bà Rịa - Vũng Tàu đưa tin, CTCP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (Hodeco - Mã: HDC) vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2023 với tổng doanh thu đạt 1.550 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 538,68 tỷ đồng, lần lượt tăng 10% và tăng 38% so với kết quả năm 2021, là kết quả kỷ lục của công ty.

So với kế hoạch doanh thu cả năm là 1.193 tỷ, lợi nhuận trước thuế 537 tỷ, Hodeco đã hoàn thành mục tiêu lợi nhuận và thực hiện được 81% chỉ tiêu doanh thu.

Tính riêng quý IV/2022, doanh thu của Hodeco khoảng 421 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ năm trước đó. Công ty lãi trước thuế 217 tỷ, tăng 70%.

Trong năm, công ty tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện tại một số dự án trọng điểm như: The Light City; khu biệt thự đồi Ngọc Tước II; Khu du lịch Đại Dương (Antares); Khu nhà ở phía Tây đường 3/2; Ecotown Phú Mỹ; Dự án Fusion Suites Vũng Tàu; Dự án Khu đô thị Phước Thắng...

Năm 2023, HODECO đặt mục tiêu tổng doanh thu 1.770 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 610 tỷ đồng; lần lượt tăng 14% và 13% so với ước tính kết quả năm 2022. Công ty dự kiến chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu.

Nguồn: Cafef.vn

Dabaco đặt mục tiêu doanh thu năm 2023 hơn 1 tỷ USD

Hội đồng quản trị (HĐQT) CTCP Tập đoàn Dabaco (Mã: DBC) vừa thông qua kế hoạch sản xuất năm 2023 với tổng doanh thu 24.562 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 569 tỷ. So với kế hoạch năm 2022, hai chỉ tiêu trên lần lượt tăng 9% về doanh thu và giảm 38% về lợi nhuận sau thuế.

Theo các chuyên gia, với sản lượng chăn nuôi tăng mạnh trong những tháng gần đây (tăng 12,4% so với cùng kỳ trong 11 tháng đầu năm 2022), nguồn cung lợn hơi khó có thể thiếu hụt trong năm 2023, với điều kiện dịch bệnh được kiểm soát tốt. Do đó, dự báo giá lợn hơi sẽ không tăng đột biến, kỳ vọng đạt khoảng 60.000 đồng/kg vào năm 2023, tăng 10% so với cùng kỳ.

Về mặt chi phí, chuyên gia dự báo chi phí thức ăn chăn nuôi sẽ ổn định và bắt đầu giảm trong quý II/2023, giúp các công ty chăn nuôi sẽ bắt đầu phục hồi vào năm 2023. Việc Trung Quốc mở cửa trở lại sẽ là chất xúc tác cần theo dõi trong lĩnh vực này, vì hoạt động thương mại qua biên giới giúp hỗ trợ giá lợn hơi trong năm nay. Việc xuất khẩu lợn hơi chính thức sang Trung Quốc cũng có thể là yếu tố xúc tác. Tuy nhiên, điều này khó có thể xảy ra do còn nhiều quy định liên quan đến nguồn gốc xuất xứ và an toàn thực phẩm.

Nguồn: Vietnambiz.vn

VietinBank dự kiến lợi nhuận năm 2022 tăng hơn 15%

Theo chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2022 vừa được HĐQT VietinBank phê duyệt và công bố, Ngân hàng dự kiến tổng tài sản tăng trưởng từ 5-10%.

Trong đó, dư nợ tín dụng theo phê duyệt của NHNN (mức tăng trưởng cụ thể theo điều hành chính sách tiền tệ, chỉ tiêu do NHNN giao và nhu cầu cần thiết của nền kinh tế). Nguồn vốn huy động tăng trưởng 8-10%, có điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng theo Thông tư 11 dưới 1.8%.

Sau cùng, VietinBank đặt kế hoạch đạt 19,451 tỷ đồng lợi nhuận riêng lẻ trước thuế trong năm 2022, tăng 15.4% so với năm 2021.

Nguồn: Cafef.vn

Chứng khoán MBS đạt lợi nhuận cao thứ 2 trong lịch sử

Theo thông tin từ một lãnh đạo của MBS, lợi nhuận trước thuế (LNTT) 2022 của công ty này ước đạt 670 tỷ, chỉ giảm khoảng 10% so với mức LNTT "đỉnh cao" đã đạt được năm 2021 – năm thắng hoa của TTCK Việt Nam. Ngoài ra, vị lãnh đạo này cũng tiết lộ thêm mức cổ tức 2022 MBS dự kiến chi cho cổ đông sẽ ở mức 15%. So sánh với giá cổ phiếu hiện tại thì có thể thấy MBS đang ở vùng giá khá hấp dẫn (13.400 vnd/cp).

2023: Kế hoạch lợi nhuận 900 tỷ đồng, cổ tức tối thiểu 15%

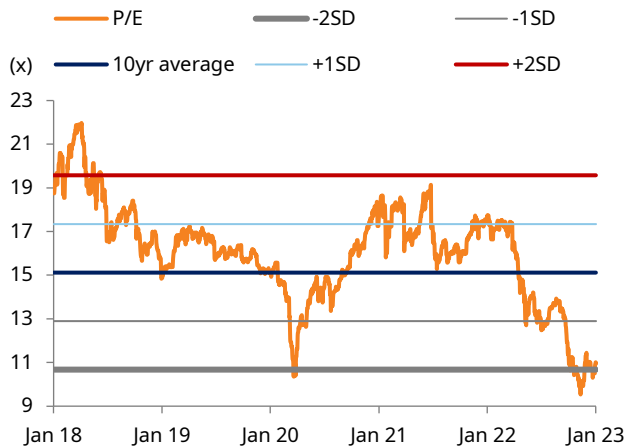
Nguồn tin từ MBS cho biết công ty đặt mục tiêu rất tham vọng ~ 900 tỷ LNTT cho năm 2023, tăng 34% so với 2022. Vị lãnh đạo này cho biết dù thị trường còn nhiều khó khăn nhưng trong "nguy" luôn có "cơ". Lý giải về kế hoạch MBS 2023, ông cho biết xu hướng lãi suất thế giới cũng như trong nước có thể sẽ giảm vào nửa cuối năm, giúp làm tăng thanh khoản cho TTCK. TTCK luôn vận động đi trước nền kinh tế nên đây sẽ là cơ hội cho các CTCK nói chung và MBS nói riêng.

Nguồn: Cafef.vn

Bản tin thị trường

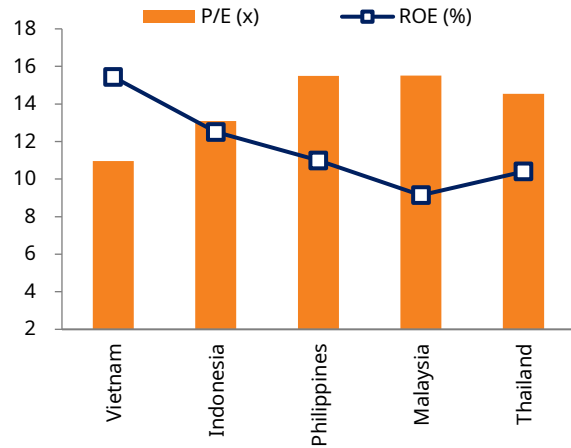
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



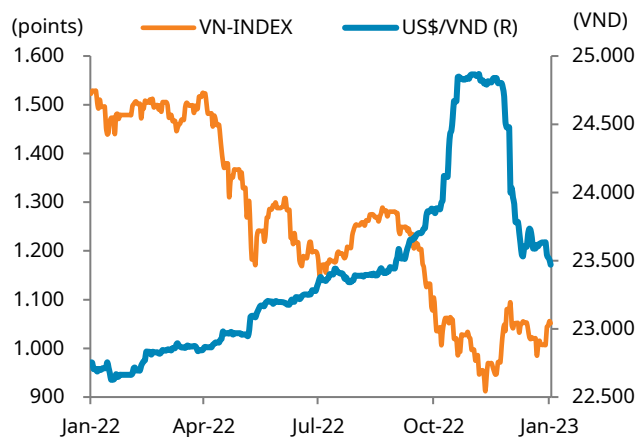
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



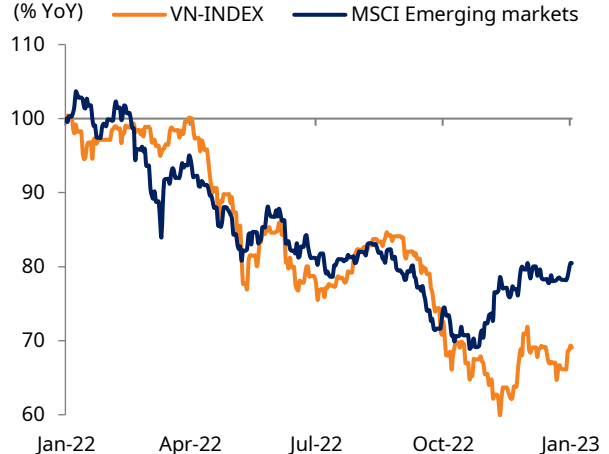
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



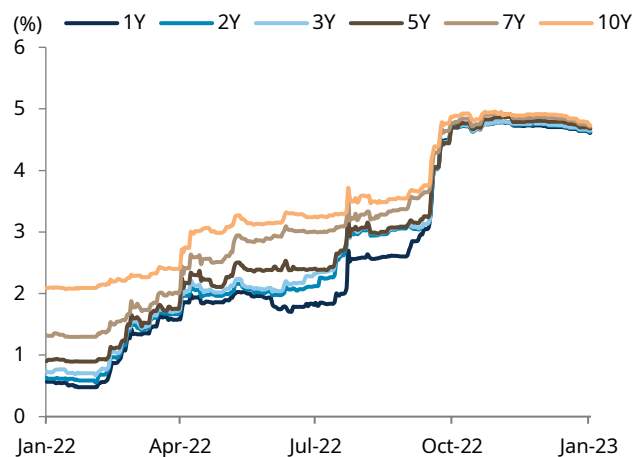
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



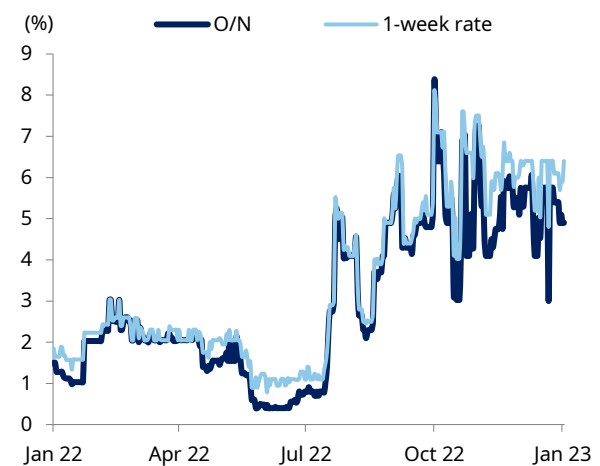
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,051.44	4,211,454		-0.4	4.2	0.3	-31.2	17.4	10.1	2.6	1.5	34.6	21.4	15.5	16.8
VN30 Index	VN30	1,057.40	2,994,600		-0.4	4.9	0.3	-31.6	14.4	8.5	2.7	1.3	38.3	17.0	19.6	17.1
Asia Commercial Bank	ACB VN	23,150	78,188	30.0	1.3	5.2	3.8	-14.3	9.9	5.7	2.1	1.3	24.6	46.3	23.5	19.6
BIDV	BID VN	41,650	210,688	17.2	2.2	4.1	6.5	9.6	21.5	13.3	2.3	2.1	50.3	81.1	11.0	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	48,050	35,669	26.8	0.0	3.3	0.1	-14.5	21.9	21.4	2.0	1.6	21.8	-12.3	9.2	7.8
VietinBank	CTG VN	28,600	137,444	27.9	0.4	5.9	5.9	-15.9	11.6	8.1	1.8	1.3	18.2	20.6	15.8	N/A
FPT Corp	FPT VN	80,300	88,091	49.0	-0.4	5.4	5.7	3.1	21.4	16.4	4.7	4.1	21.5	34.9	23.4	N/A
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	104,700	200,391	2.9	-1.8	2.0	-4.4	1.0	22.1	13.7	3.6	3.4	8.1	75.8	16.8	N/A
Vietnam Rubber Group	GVR VN	14,400	57,600	0.5	-3.4	4.3	-1.0	-62.7	35.5	14.6	3.1	#N/A	10.3	-5.4	8.7	8.1
HDBank	HDB VN	16,450	41,376	18.1	0.3	3.5	0.3	-32.6	10.2	5.1	2.1	1.1	42.5	32.7	23.3	23.2
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	19,400	112,807	21.9	-2.0	7.8	4.3	-45.3	6.5	11.9	2.3	1.2	151.5	-70.4	42.8	N/A
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	27,800	19,928	37.5	0.4	-0.5	-5.9	-46.2	28.5	16.5	3.2	1.7	3.1	3.2	12.2	11.1
MBBank	MBB VN	18,250	82,745	23.2	0.3	4.9	3.1	-22.8	8.6	4.7	1.8	1.0	53.0	37.4	23.6	N/A
Masan Group Corp	MSN VN	95,800	136,393	30.6	-3.7	1.9	-6.1	-25.3	23.5	33.7	6.2	3.6	589.7	-53.1	35.1	N/A
Mobile World Investment Corp	MWG VN	43,150	63,145	49.0	-1.0	0.6	-2.7	-37.2	19.7	13.8	4.8	2.5	18.2	-9.2	27.3	N/A
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	13,600	26,521	5.8	-0.7	-7.2	-34.0	-84.6	50.0	4.4	5.0	0.5	-18.7	68.6	10.6	10.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	14,750	9,907	3.6	-2.6	10.1	-4.8	-78.6	26.0	#N/A	6.7	#N/A	53.5	N/A	29.3	N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	35,100	44,598	18.2	-2.0	12.0	16.2	-36.8	30.1	73.7	2.7	1.8	160.6	-73.4	9.7	N/A
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	20,600	43,418	20.5	2.5	9.0	1.0	-40.4	11.6	5.4	3.0	1.4	39.0	26.1	29.9	28.8
PetroVietnam Power Corp	POW VN	11,750	27,517	5.0	0.0	11.9	7.8	-39.0	23.1	18.8	1.4	0.9	-24.2	-17.4	6.2	5.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	180,700	115,880	62.6	3.7	4.5	1.2	15.4	27.4	22.1	4.6	4.8	-22.9	48.8	17.1	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	18,900	28,145	41.2	-2.1	7.4	-3.3	-61.3	20.0	13.8	3.6	#N/A	100.3	-44.0	21.0	9.8
Sacombank	STB VN	24,300	45,811	27.4	0.4	8.7	17.1	-25.7	19.3	#N/A	1.7	1.2	30.6	N/A	9.5	N/A
Techcombank	TCB VN	27,700	97,428	22.5	0.2	6.7	2.4	-44.5	9.7	4.6	1.9	0.9	46.1	17.1	21.7	N/A
Tien Phong Bank	TPB VN	22,500	35,589	30.0	-0.2	5.1	4.2	-46.4	12.7	6.4	2.5	1.1	28.5	9.4	22.6	20.3
Vietcombank	VCB VN	84,000	397,531	23.6	0.0	4.1	5.0	6.2	18.8	15.0	3.4	2.9	19.7	33.1	19.6	N/A
Vinhomes JSC	VHM VN	49,900	217,283	24.3	0.4	4.4	-9.3	-41.5	9.1	7.1	2.9	1.4	40.9	-22.3	36.9	27.9
Vingroup JSC	VIC VN	56,100	213,962	12.8	-0.2	4.7	-15.8	-46.3	63.2	28.5	3.5	2.0	-145.6	387.7	-2.8	N/A
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	107,800	58,386	17.1	-2.0	-1.3	1.7	-12.9	923.0	97.6	4.1	#N/A	6.1	694.2	0.5	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	79,800	166,778	55.8	-1.7	3.6	-3.3	-6.6	19.1	19.6	5.5	4.9	-5.3	-10.0	29.3	N/A
VPBank	VPB VN	18,950	127,215	17.7	0.0	6.5	12.1	-19.1	13.5	6.4	2.0	1.3	11.6	67.3	17.9	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,250	66,465	33.0	0.2	10.4	-0.3	-17.8	52.1	26.6	2.2	2.0	-44.8	90.2	4.4	8.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.